



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 38 (16/09-20/09/24)

*Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán
của các quỹ ETF ngoại Q3/2024*

MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. CHUYÊN ĐỀ TUẦN: Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán của các quỹ ETF ngoại Q3/2024

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: Áp lực giảm điểm tiếp tục khi VN-Index giảm dưới SMA 50 và SMA 100

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: Công nghệ thông tin +0.58%

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	9/13/2024	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5626.02	0.5%	4.0%	3.1%	24.9%
EU (EURO STOXX 50)	4843.99	0.6%	2.2%	2.5%	13.2%
Trung Quốc (SHCOMP)	2704.09	-0.5%	-2.2%	-5.1%	-13.5%
Nhật Bản (NIKKEI)	36581.76	-0.7%	0.5%	0.4%	10.3%
Hàn Quốc (KOSPI)	2575.41	0.1%	1.2%	-2.6%	0.1%
Singapore (STI)	3562.65	0.2%	3.1%	8.4%	9.6%
Thái Lan (SET)	1424.39	0.2%	-0.2%	10.2%	-7.8%
Phillipines (PCOMP)	7022.85	0.0%	1.3%	4.7%	13.1%
Malaysia (KLCI)	1652.15	0.8%	-0.1%	2.5%	14.0%
Indonesia (JCI)	7812.131	0.2%	1.2%	5.1%	12.3%
Việt Nam (VNI)	1251.71	-0.4%	-1.7%	1.7%	2.3%
Việt Nam (HNX)	232.42	0.2%	-1.0%	1.2%	-7.7%
Việt Nam (UPCOM)	92.95	0.2%	-0.4%	0.3%	-0.7%

Nguồn: Bloomberg

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Hoa Kỳ hồi phục mạnh sau tuần lao dốc, S&P 500 tăng 4 phiên liên tiếp

Chỉ số PPI tăng nhẹ, lạm phát giảm về mức thấp nhất kể từ tháng 2/2021 và đơn xin trợ cấp thất nghiệp tăng nhẹ đang củng cố cho tâm lý NĐT về việc FED giảm lãi suất trong kỳ họp 17-18/9 tới đây. Chỉ số CK và hàng hóa hồi phục trong khi chỉ số DXY và lãi suất Trái phiếu chính phủ Hoa Kỳ đều giảm.

- TTCK Hoa Kỳ tăng bình quân 4%, EU600 +1.6% trong khi Nikkei 225 +0.1%, CSI 300 -2.2%.
- Chỉ số hàng hóa 1.2%; đóng góp chủ yếu từ đà tăng của kim loại quý bình quân +5% và dầu mỏ +3%.
- Chỉ số DXY -0.2% và TP Hoa Kỳ 10y giảm -0.06% trong tuần.

ECB cắt giảm 0.25% xuống còn 3.5% trong ngày 12/9, đánh dấu lần cắt giảm thứ 2 trong năm. Động thái nằm trong dự báo của thị trường khi kinh tế Châu Âu tăng trưởng thấp và lạm phát trên đà giảm về mục tiêu 2%. NĐT đang bị chia rẽ về khả năng tạm dừng trong cuộc họp tháng 10 và tăng lại vào tháng 12 hay tiếp tục giảm lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế trong khi chờ quan điểm chủ tịch ECB. Sau đây 1 tuần, NĐT nhiều khả năng sẽ chứng kiến FED lần đầu cắt giảm lãi suất, củng cố cho xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ trên toàn cầu.

Chỉ số sản xuất, doanh thu bán lẻ, đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ; CPI Canada, Anh, EU; Lãi suất và báo cáo FOMC; Lãi suất và chính sách tiền tệ NHTW Anh, NHTW Nhật; Lãi suất kỳ hạn 1 và 5 năm Trung Quốc là thông tin chú ý trong tuần tới.

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	9/13/2024	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	2,577.7	0.8%	3.2%	5.3%	34.9%
Bạc	USD/ozt	30.7	2.8%	10.0%	11.4%	35.6%
Thép HRC	USD/T.	698.0	0.0%	-0.3%	5.8%	-1.1%
Nhôm	USD/MT	2,456.0	2.4%	5.7%	7.2%	12.4%
Niken	USD/MT	15,711.7	-1.2%	0.3%	-2.0%	-21.8%
Quặng sắt	CNY/MT	729.5	2.3%	2.0%	-7.5%	-20.5%
Dầu Brent	USD/bbl.	71.6	-0.5%	0.8%	-10.2%	-23.6%
Dầu WTI	USD/bbl.	68.7	-0.5%	1.4%	-10.8%	-23.9%
Xăng	USD/gal.	193.0	0.2%	1.8%	-16.8%	-29.6%
Than đá	USD/MT	137.9	-0.2%	-2.5%	-5.4%	-13.9%
Đậu tương	USD/bu.	986.8	-0.5%	-0.3%	0.7%	-26.6%
Cao su	JPY/kg	370.6	-0.9%	4.7%	11.3%	61.3%
Đường	USD/MT	548.6	1.6%	2.9%	6.4%	-27.6%

Nguồn: Bloomberg

TTCK VIỆT NAM

TTCK trong nước vận động trái chiều với xu hướng hồi phục Quốc tế

VN-Index giảm 1.8% so tuần trước khi nhiều cổ phiếu chủ chốt ngành ngân hàng và các cổ phiếu vốn hóa lớn suy yếu. Thanh khoản tiếp tục chuỗi suy giảm và giảm 18% so với tuần trước.

- Nhóm cổ phiếu Ngân hàng tiếp tục suy yếu, điển hình SSB có tuần giảm mạnh 15.2% tương đương đóng góp giảm 1.9% cho VN-Index trong khi một số cổ phiếu có quy mô vừa đang đi ngược xu hướng chung.

- Thị trường có 16/18 ngành giảm điểm. Ngành Bảo hiểm, Bất động sản và dầu khí có mức giảm trên 2.4% trong Công nghệ thông tin và Hóa chất tăng trên 0.3%.

- Khối ngoại bán ròng 39 triệu USD, giảm so với mức bán ròng 48 triệu USD của tuần trước.

Tuần tới các ETF cơ cấu danh mục và HĐTĐ đáo hạn, thị trường nhiều khả năng sẽ có những biến động mạnh. NĐT cần nhắc mua vào và vào khi các cổ phiếu giảm sâu trong những phiên rung lắc cho hoạt động giao dịch ngắn hạn.

Tài khoản chứng khoán mở mới tháng 8 đạt 330 nghìn tài khoản, mức cao nhất trong 2 năm qua. Nhà đầu tư trong nước đã mở hơn 1,4 triệu tài khoản tính từ đầu năm và đạt 8,6 triệu tài khoản, tương đương khoảng 8,6% dân số. Số lượng tài khoản mở mới chưa phản ánh tỷ lệ chính xác NĐT tham gia trên thị trường do NĐT có thể mở nhiều tài khoản và thanh khoản cũng chưa cải thiện tương ứng. Tuy nhiên ở góc nhìn khác, TTCK vẫn đang có sự thu hút với các NĐT và sẽ sớm đạt mục tiêu 9 triệu tài khoản vào năm 2025 theo định hướng Chính phủ.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán của các quỹ ETF ngoại Q3/2024

Ngày 6/9/2024, FTSE đã công bố danh mục cổ phiếu thành phần bộ chỉ số FTSE Vietnam All-share và FTSE Vietnam Index. Ngày 13/9/2024, MarketVector đã công bố danh mục Marketvector Vietnam Local Index. Chi tiết thay đổi:

1. FTSE Vietnam Index (ETF FTSE tham chiếu)

- Thêm mới: FRT, FTS và KDH
- Không loại bỏ cổ phiếu nào

2. MarketVector Vietnam Local Index (VanEck Vectors Vietnam ETF tham chiếu)

- Không thêm mới cổ phiếu nào
- Loại: EVF

3. FTSE Vietnam 30 Index (ETF Fubon tham chiếu)

Đối với bộ chỉ số FTSE Vietnam 30 Index – ETF Fubon đang tham chiếu – BSC Research dự báo nếu FTSE **loại** bỏ cổ phiếu **VCG** thì cổ phiếu **NAB** có thể được **thêm** vào để thay thế. Bộ chỉ số FTSE Vietnam 30 Index có 02 kỳ đánh giá định kỳ hàng năm là tháng 03 và tháng 09, đồng thời bộ chỉ số này không công bố rộng rãi kết quả chính thức mà các quỹ ETF tham chiếu sẽ thực hiện cơ cấu danh mục vào ngày thực hiện cuối cùng.

Đối với kỳ đánh giá tháng 09 lần này, các bộ chỉ số FTSE Vietnam, FTSE Vietnam 30, MarkeVector Vietnam Local Index sẽ thực hiện hoạt động cơ cấu cuối cùng vào thứ 06 ngày 20/09/2024.

BSC dự báo danh mục cổ phiếu thành phần và số lượng cổ phiếu mua/bán đối với các ETF tham chiếu theo các chỉ số, cụ thể như sau:

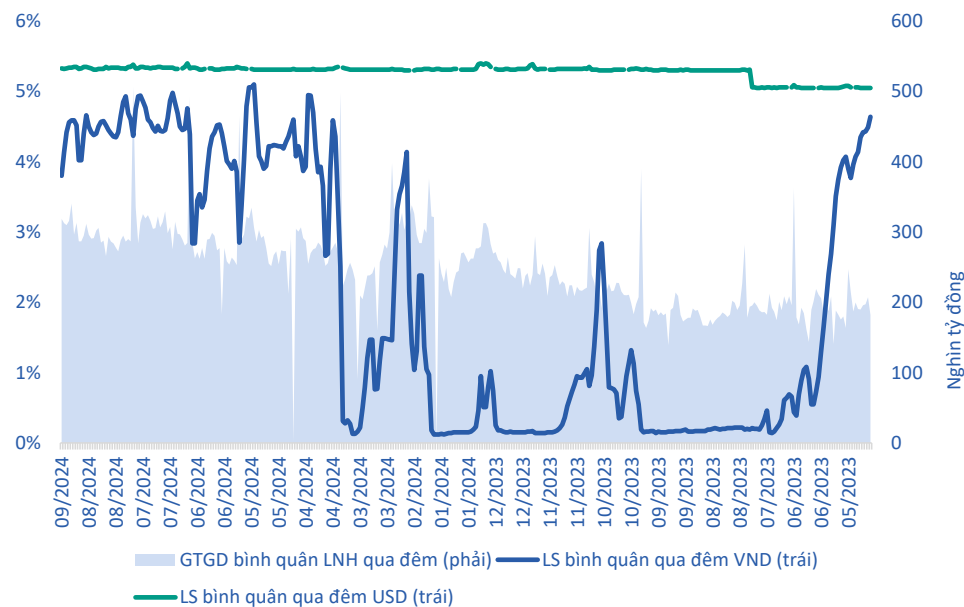
CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục FTSE Vietnam Index và MarketVector Vietnam Local Index Q3/2024

Mã	FTSE Vietnam Index			MarketVector Vietnam Local Index (MVVNL)			FTSE Vietnam 30 Index (Fubon FTSE Vietnam)			Tổng hợp			Ghi chú
	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	SLCP mua/bán	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	SLCP mua/bán	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	SLCP mua/bán	SLCP mua/bán	KLGDTB/tháng gần nhất	Số phiên giao dịch dự kiến	
NAB	-	-	-	-	-	-	0.00%	1.26%	5,452,184	5,452,184	3,062,392	1.78	Dự kiến thêm mới trong FTSE VN30
KDH	0.00%	1.08%	2,077,938	0.61%	0.69%	251,044	2.52%	3.25%	1,400,283	3,729,265	2,145,930	1.74	Thêm mới trong FTSE VN
FRT	0.00%	2.85%	1,141,457	-	-	-	2.02%	1.56%	-185,547	955,910	668,079	1.43	Thêm mới trong FTSE VN
BVH	-	-	-	0.84%	0.95%	302,965	0.53%	0.88%	582,674	885,639	638,902	1.39	
VIC	8.94%	12.90%	6,618,346	8.47%	8.00%	-1,327,346	8.93%	9.78%	1,425,330	6,716,330	5,727,562	1.17	
STB	-	-	-	-	-	-	2.85%	5.98%	7,531,739	7,531,739	8,932,037	0.84	
VHC	-	-	-	1.64%	1.84%	359,638	-	-	-	359,638	496,603	0.72	
SAB	-	-	-	1.47%	1.66%	402,711	1.34%	1.53%	246,850	649,561	945,843	0.69	
FTS	0.00%	1.14%	1,864,024	1.35%	1.52%	471,753	-	-	-	2,335,777	3,513,637	0.66	Thêm mới trong FTSE VN
VND	2.63%	3.05%	2,145,296	2.94%	3.31%	3,156,068	2.62%	3.06%	2,190,473	7,491,837	11,367,299	0.66	
HUT	-	-	-	1.45%	1.64%	1,345,517	-	-	-	1,345,517	2,283,414	0.59	
POW	1.03%	1.27%	1,388,134	1.23%	1.38%	1,471,424	1.02%	1.28%	1,453,643	4,313,201	8,523,471	0.51	
CTR	-	-	-	0.99%	1.12%	122,012	-	-	-	122,012	341,323	0.36	
NVL	1.84%	2.15%	1,918,860	2.07%	2.34%	2,756,557	-	-	-	4,675,417	14,389,847	0.32	
SHB	1.93%	2.16%	1,660,998	2.08%	2.35%	3,106,262	1.92%	2.17%	1,770,784	6,538,044	20,584,545	0.32	
SBT	-	-	-	0.82%	0.93%	930,525	-	-	-	930,525	3,117,309	0.30	
EIB	1.62%	1.83%	820,303	1.76%	1.99%	1,476,212	1.62%	1.84%	841,789	3,138,304	13,039,050	0.24	
IDC	-	-	-	1.02%	1.15%	269,603	-	-	-	269,603	1,226,290	0.22	
VNM	9.15%	11.66%	2,465,032	8.14%	7.00%	-1,890,098	8.92%	9.74%	800,489	1,375,424	6,646,445	0.21	
GEX	1.50%	1.53%	99,705	1.47%	1.66%	1,096,373	1.48%	1.53%	166,211	1,362,289	7,231,936	0.19	
DCM	-	-	-	0.99%	1.12%	399,185	0.85%	1.03%	334,547	733,732	4,035,112	0.18	
HAG	-	-	-	1.04%	1.17%	1,527,548	-	-	-	1,527,548	8,668,147	0.18	
PLX	-	-	-	-	-	-	1.02%	1.24%	341,867	341,867	2,105,434	0.16	
PVS	-	-	-	1.11%	1.25%	420,455	-	-	-	420,455	2,772,883	0.15	
DIG	1.10%	1.25%	509,538	1.21%	1.36%	842,788	1.11%	1.43%	1,030,983	2,383,309	16,281,941	0.15	
VGC	-	-	-	-	-	-	0.35%	0.44%	151,545	151,545	1,137,818	0.13	
TCH	1.00%	1.16%	638,414	1.12%	1.26%	965,334	-	-	-	1,603,747	12,542,536	0.13	
SHS	-	-	-	0.96%	1.08%	995,890	-	-	-	995,890	10,478,159	0.10	
CEO	-	-	-	0.74%	0.80%	431,237	-	-	-	431,237	6,315,961	0.07	
VHM	9.55%	12.34%	4,646,923	9.55%	8.00%	-4,354,945	9.50%	9.97%	794,167	1,086,145	15,929,445	0.07	
HDG	-	-	-	0.61%	0.62%	65,737	-	-	-	65,737	4,727,849	0.01	
DXG	0.89%	0.70%	-880,639	0.68%	0.76%	679,369	-	-	-	-201,270	11,688,868	(0.02)	
PDR	1.56%	1.40%	-558,068	1.34%	1.51%	960,138	1.59%	1.40%	-629,545	-227,476	11,565,147	(0.02)	
PVD	1.22%	0.98%	-647,666	0.95%	1.07%	558,980	-	-	-	-88,686	3,858,483	(0.02)	
HSG	1.03%	0.78%	-885,687	0.75%	0.85%	580,495	-	-	-	-305,192	10,505,241	(0.03)	
DDM	1.14%	1.00%	-281,225	0.97%	1.09%	418,118	1.15%	1.01%	-294,344	-157,450	3,282,486	(0.05)	
SSI	6.44%	5.91%	-1,187,422	5.19%	5.50%	1,169,237	6.45%	5.92%	-1,168,775	-1,186,959	16,481,098	(0.07)	
KDC	-	-	-	1.17%	1.22%	102,194	1.34%	1.12%	-288,369	-186,175	1,889,418	(0.10)	
VPI	-	-	-	1.59%	1.49%	-204,595	-	-	-	-204,595	1,122,607	(0.18)	
VRE	2.90%	2.05%	-3,156,696	1.97%	2.22%	1,570,576	2.94%	2.80%	-525,533	-2,111,653	10,894,132	(0.19)	
DGC	3.58%	2.75%	-523,416	2.64%	2.98%	358,095	3.57%	2.75%	-517,862	-683,184	1,989,521	(0.34)	
VCI	2.17%	2.05%	-266,548	2.56%	2.22%	-1,233,707	2.17%	2.05%	-253,068	-1,753,323	4,253,727	(0.41)	
VJC	2.90%	1.81%	-744,243	1.51%	1.70%	221,150	2.88%	1.81%	-730,683	-1,253,775	2,054,853	(0.61)	
HPG	13.32%	7.48%	-16,762,386	5.87%	6.50%	3,058,465	9.54%	9.54%	-8,725	-13,712,646	22,238,457	(0.62)	
KBC	1.62%	1.15%	-1,346,354	1.10%	1.24%	674,840	1.60%	1.15%	-1,280,755	-1,952,268	2,788,758	(0.70)	
VCG	0.77%	0.78%	29,308	0.84%	0.85%	35,603	0.78%	0.00%	-3,079,154	-3,014,243	3,559,844	(0.85)	Dự kiến bị loại khỏi FTSE VN30
VIX	2.65%	1.50%	-7,340,008	3.09%	1.62%	-15,734,602	-	-	-	-23,074,610	25,877,113	(0.89)	
MSN	8.19%	4.96%	-3,115,734	4.77%	5.00%	367,035	8.09%	4.98%	-3,004,129	-5,752,827	6,352,690	(0.91)	
VCB	8.64%	7.48%	-927,385	6.50%	6.00%	-671,061	8.67%	7.49%	-939,056	-2,537,502	1,881,487	(1.35)	
EVF	0.68%	0.83%	930,181	0.80%	0.00%	-8,352,024	-	-	-	-7,421,843	4,897,941	(1.52)	Bị loại khỏi MVVNL
HNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		MVVNL đã bán hết

Nguồn: BSC Research

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch trên thị trường mở (OMOs)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Số dư bill
Tuần 29	98,652.2	89,954.4	(8,697.8)	(133,393.5)
Tuần 30	50,504.4	92,695.0	42,190.6	(91,202.9)
Tuần 31	117,795.0	72,065.7	(45,729.2)	(136,932.1)
Tuần 32	59,715.2	72,817.6	13,102.3	(123,829.8)
Tuần 33	81,417.6	109,675.9	28,258.3	(95,571.5)
Tuần 34	72,925.6	74,197.2	1,271.6	(94,299.9)
Tuần 35	38,447.7	58,111.9	19,664.2	(74,635.6)
Tuần 36	10,573.2	45,664.8	35,091.6	(39,544.0)
Tuần 37	46,403.8	8,833.5	(37,570.4)	(77,114.4)

Nguồn: SBV, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	4.23%	4.31%	4.48%	5.13%
So với tuần trước	-0.34%	-0.32%	-0.22%	-0.03%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	314,250.0	11,716.8	4,360.3	1,102.3
So với tuần trước	-0.74%	-46.39%	+34.89%	-10.53%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 12/09/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 37, SBV đã phát hành 00.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 8,833.5 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã hút ròng -37,570.4 tỷ đồng qua OMOs.
- Mật bằng lãi suất liên ngân hàng gần như không đổi trong tuần.

PTKT: Áp lực giảm điểm tiếp tục khi VN-Index giảm dưới SMA 50 và SMA 100

Đồ thị ngày: VN-Index tiếp tục củng cố xu hướng điều chỉnh với phiên xác nhận 10/9. VN-Index sau đó hình thành 3 cây nến doji trên 1,250 điểm. tương đương Fibonacci 32.8% của xu hướng ngắn hạn, áp lực giảm điểm vẫn đang chiếm ưu thế. Dải bollinger band đang dần thu hẹp, và các chỉ báo kỹ thuật đã giảm dưới mức trung bình.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm từ 56 xuống 44 điểm.
- MACD cắt đường tín hiệu trên xuống dù vậy vẫn duy trì trên mức 0. Thanh khoản giảm 18% so bình quân giao dịch tuần trước.
- VN-Index giảm dưới SMA 20, 50, 100 và giữ trên 200.

Kết luận: VN-Index duy trì xu hướng suy yếu sau khi giảm và không vượt lại được vùng 1,260 điểm, hội tụ bởi SMA 50 và SMA 100. Tâm lý thị trường tiêu cực thể hiện qua thanh khoản thấp và diễn biến thị trường không có phản ứng với diễn biến tích cực của thị trường quốc tế. Thị trường có thể có thêm phiên rũ mạnh nếu không thể vượt 1,260 điểm trong tuần tới để thu hút lại dòng tiền tại vùng hỗ trợ 1,225 – 1,230 điểm.



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm số
FPT	1.29	0.61
TPB	3.13	0.30
VJC	1.75	0.24
VPB	0.54	0.19
BMP	9.06	0.19
SBT	7.94	0.18
STB	1.02	0.14
DCM	2.69	0.13
PGV	1.85	0.11
BAF	9.89	0.10
Tổng		2.18

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm số
SSB	-15.75	-1.97
GAS	-3.61	-1.63
BID	-1.73	-1.18
VNM	-2.54	-0.97
HPG	-2.34	-0.94
NVL	-12.50	-0.78
TCB	-1.99	-0.77
VIC	-1.83	-0.75
CTG	-1.55	-0.72
VRE	-3.98	-0.44
Tổng		-10.15

Khối ngoại mua ròng

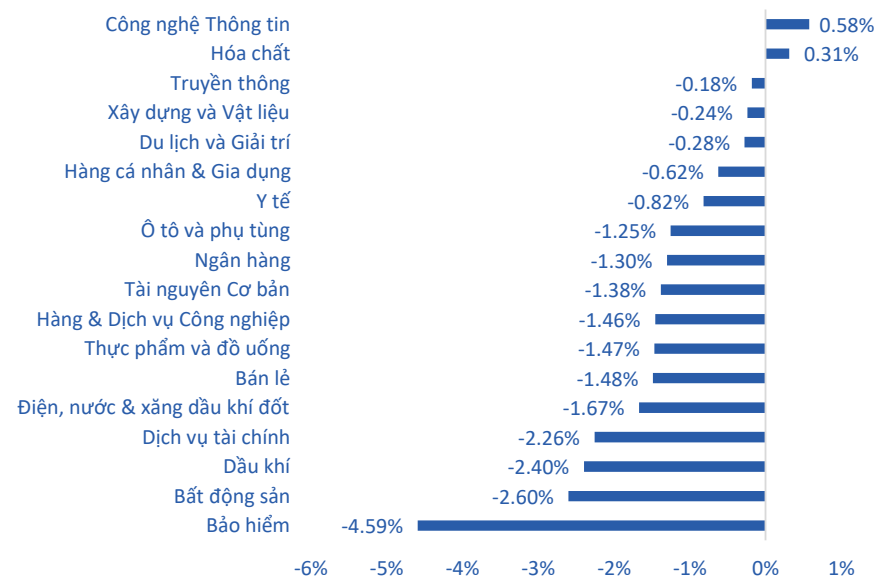
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
FPT	238.34
CTG	128.62
VNM	109.37
STB	84.83
TPB	79.13
DGC	77.16
DXG	73.35
DGW	63.34
FTS	58.86
NLG	57.06
Tổng	970.05

Khối ngoại bán ròng

Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
MSN	-316.83
HPG	-309.95
VPB	-249.20
MWG	-211.20
HDB	-154.19
VCI	-151.31
VIC	-134.09
HSG	-121.07
VCB	-111.65
BID	-86.80
Tổng	-1846.29

Vận động ngành

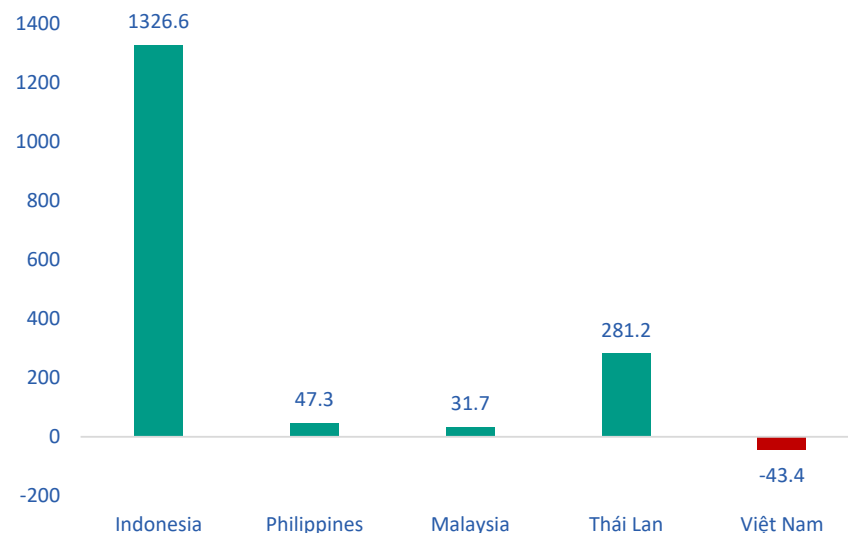
Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Công nghệ Thông tin	0.53%	0.58%	2.37%
Hóa chất	0.27%	0.31%	4.09%
Truyền thông	-1.31%	-0.18%	-0.83%
Xây dựng và Vật liệu	0.57%	-0.24%	3.64%
Du lịch và Giải trí	0.09%	-0.28%	1.03%



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	1,643.4	2,472.5	5,131.4	(903.1)
Indonesia	1326.6	1537.7	3796.2	3369.3
Philippines	47.3	69.6	273.1	-254.3
Malaysia	31.7	215.1	1084	911.4
Thái Lan	281.2	742	524.9	-2706
Việt Nam	-43.4	-91.9	-546.8	-2223.5
Các nước khác	(2,357.3)	(6,465.3)	(16,632.4)	5,197.8
Hàn Quốc	-2170.7	-3724.8	-4563	12564.8
Đài Loan	-1016.9	-4931.6	-19012.7	-14630.5
Ấn Độ	829.7	2190.8	6930.9	7280.3
Sri Lanka	0.60	0.30	12.40	(16.80)

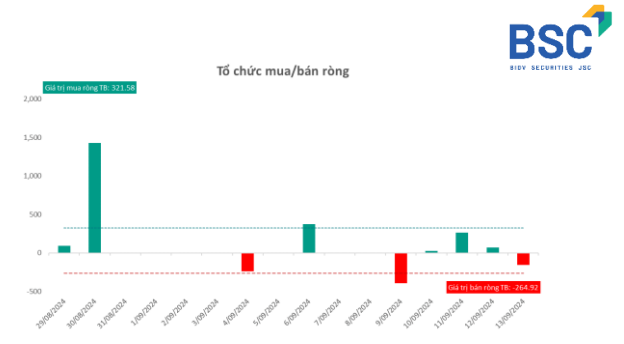
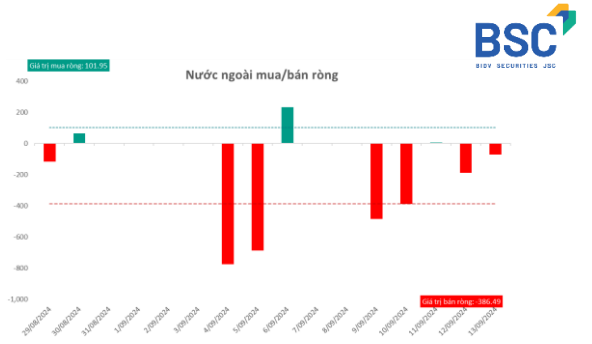
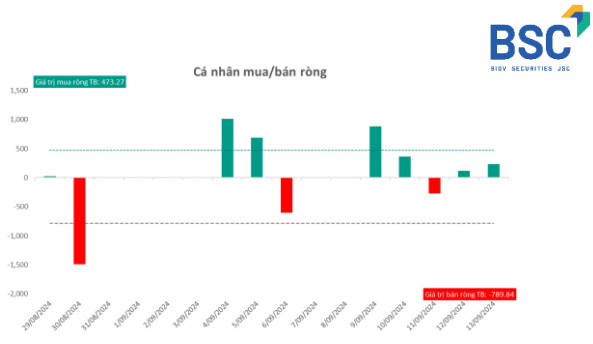


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Jan-24		Feb-24		Mar-24		Apr-24		May-24		Jun-24		Jul-24		Jul-24		Aug-24		Sep-24																		
	W1	W2	W3	W4	W5	W6	W7	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17	W18	W19	W20	W21	W22	W23	W24	W25	W26	W27	W28	W29	W30	W31	W32	W33	W34	W35	W36	W37
Tổng	(0.70)	(23.33)	(19.81)	(35.45)	(24.00)	(24.53)	(2.84)	(4.04)	(26.66)	(16.63)	(36.71)	(94.29)	(45.24)	(30.80)	(12.94)	(21.24)	(31.95)	(39.26)	(12.63)	(16.61)	(76.42)	(50.35)	(51.41)	(71.76)	(45.92)	(59.87)	(73.42)	(46.50)	(21.75)	(7.81)	(8.60)	(23.19)	(12.09)	(24.64)	(18.12)	(6.69)	(15.78)
ETF ngoại	4.18	(12.91)	1.59	(17.99)	(21.21)	(19.02)	(2.84)	-	(18.98)	1.09	1.76	(19.49)	(32.48)	(23.89)	7.97	(20.46)	(2.88)	7.37	18.42	(7.07)	(38.21)	(6.66)	(3.25)	(60.10)	(29.17)	(41.29)	(28.48)	(37.57)	(11.76)	(10.00)	(8.76)	(23.68)	(8.18)	(15.59)	(17.19)	(8.37)	(14.27)
Fubon	5.28	0.00	0.77	0.00	0.00	0.75	1.13	0.00	1.15	6.06	3.63	(16.75)	(29.66)	(21.99)	21.54	(2.61)	5.13	7.37	9.83	(10.16)	(32.45)	(4.90)	(3.25)	(24.52)	(10.89)	(6.24)	(2.43)	(21.98)	(3.33)	(4.52)	(7.37)	(4.08)	(5.39)	(9.70)	(13.83)	(7.00)	(8.53)
VNM	0.00	0.00	0.00	(1.93)	0.00	0.00	0.00	0.00	1.29	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(5.18)	0.00	0.00	0.00	1.29	0.00	0.00	(2.97)	0.00	(3.78)	0.00	0.00	(4.42)	
FTSE	(1.10)	2.99	0.82	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(8.15)	(4.97)	(1.87)	(2.74)	(2.82)	(1.90)	(3.56)	(8.22)	(2.52)	0.00	8.59	3.09	(5.76)	(1.76)	0.00	(2.18)	(3.06)	(1.93)	(1.02)	(5.84)	(2.75)	0.00	0.00	0.00	2.76	0.66	0.80	0.00	(1.32)
iShare	0.00	(15.90)	0.00	(16.06)	(21.21)	(19.77)	(3.97)	0.00	(13.27)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(10.01)	(9.63)	(5.49)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(28.22)	(15.22)	(33.12)	(25.03)	(9.75)	(6.97)	(5.56)	(1.39)	(16.63)	(5.55)	(2.77)	(4.16)	(1.37)	0.00
ETF nội	(4.88)	(10.42)	(21.40)	(17.46)	(2.85)	(5.51)	0.00	(4.04)	(7.68)	(17.72)	(38.47)	(74.80)	(12.76)	(6.91)	(20.91)	(0.78)	(29.07)	(46.63)	(31.05)	(9.54)	(38.21)	(48.69)	(48.16)	(11.66)	(16.75)	(38.58)	(44.94)	(8.93)	(9.99)	2.27	0.16	0.49	(3.91)	(9.05)	(0.93)	1.68	(1.51)
Diamond	(4.88)	(0.63)	(22.59)	(16.99)	(1.99)	(5.10)	0.00	(2.32)	(1.72)	(8.70)	(32.81)	(66.55)	(5.76)	0.57	1.33	0.82	(28.90)	(47.54)	(2.34)	(9.28)	(32.45)	(28.90)	(47.54)	(4.93)	(9.66)	(27.06)	(45.56)	(11.83)	(11.05)	1.91	(0.65)	0.49	(0.38)	(4.93)	0.00	1.60	0.14
E1	0.00	4.23	0.08	0.00	(1.66)	(0.41)	0.00	(1.72)	(6.80)	(8.51)	(5.66)	(3.13)	(5.37)	(6.53)	(1.65)	(0.25)	0.59	(7.64)	(0.26)	0.00	(11.97)	(0.62)	(5.73)	(3.85)	7.59	0.62	3.96	2.23	(0.18)	0.81	0.00	(3.53)	(3.46)	(0.93)	0.00	(0.82)	
Finlead	0.00	(14.02)	1.11	(0.47)	0.80	0.00	0.00	0.00	0.84	(0.51)	0.00	(5.12)	(1.63)	(0.95)	(20.59)	(1.35)	0.08	0.32	(21.07)	0.00	(5.76)	(2.82)	0.00	(1.00)	(3.24)	0.89	0.00	(1.06)	(1.17)	0.54	0.00	0.00	0.00	(0.66)	0.00	(0.83)	

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐT NN						Cá nhân							
Mã	Top mua ròng		Top bán ròng		Mã	Top mua ròng		Top bán ròng		Mã	Top mua ròng		Top bán ròng		Mã	Top mua ròng		Top bán ròng	
	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng		Giá trị	Khối lượng	Giá trị	Mã		Khối lượng	Giá trị	Khối lượng	Giá trị		Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã
DBD	2,595,304	107.33	VNM	537,702	-39.84	FPT	1,785,584	238.34	MSN	4,198,246	-316.83	VPB	22,197,865	406.06	FPT	1,889,316	-252.19		
VCB	865,589	76.11	PNJ	357,900	-36.91	CTG	3,663,679	128.62	HPG	12,220,186	-309.95	HPG	15,987,101	405.52	CTG	5,598,089	-196.52		
MWG	875,956	59.10	DGC	262,953	-29.68	VNM	1,460,345	109.37	VPB	13,583,046	-249.20	MSN	3,741,217	282.46	PC1	5,645,304	-158.72		
MBB	2,361,298	56.31	GAS	310,064	-24.82	STB	2,851,688	84.83	MWG	3,143,408	-211.20	EIB	10,566,100	195.04	DGC	1,083,197	-123.05		
TCB	2,311,691	51.70	FUEKIV30	2,632,100	-22.79	TPB	4,378,831	79.13	HDB	5,861,995	-154.19	HDB	6,774,201	177.11	VHM	2,535,876	-107.89		
TCD	5,992,100	29.97	HPG	888,124	-22.00	DGC	679,350	77.16	VCI	4,433,217	-151.31	MWG	2,427,810	162.82	STB	2,794,497	-83.46		
FPT	212,800	28.29	HDG	739,137	-21.20	DXG	4,887,200	73.35	VIC	3,104,850	-134.09	VCI	4,649,117	155.72	TPB	4,468,521	-80.73		
MSN	346,506	26.26	SAB	306,400	-16.93	DGW	954,410	63.34	HSG	5,983,400	-121.07	HSG	6,418,600	130.02	VNM	869,201	-65.70		
E1VFN30	1,132,600	25.65	GMD	189,044	-14.62	FTS	1,347,550	58.86	VCB	1,254,805	-111.65	VIC	2,819,651	122.05	FTS	1,321,650	-57.77		
ACB	1,033,595	25.23	KDH	371,500	-13.90	NLG	1,388,500	57.06	BID	1,779,961	-86.80	GAS	1,028,228	84.19	ACB	2,297,295	-56.60		

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	89.5	1.2%	0.6	20,285	5.8	5,962	15.0	0.0	23.3%	Link
BID	Ngân hàng	48.4	0.1%	1.10	11,177	2.2	4006	12.1	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	18.5	1.4%	0.90	5,952	17.0	1461	12.7	-	26.1%	Link
TCB	Ngân hàng	22.3	0.9%	1.20	6,371	8.2	3047	7.3	-	20.9%	Link
MBB	Ngân hàng	24	0.4%	1.00	5,164	5.5	4018	6.0	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.7	0.3%	1.20	2,270	7.0	4340	6.8	-	22.9%	Link
CTG	Ngân hàng	35	0.1%	1.30	7,622	7.1	3782	9.3	-	26.3%	Link
ACB	Ngân hàng	24.4	1.2%	0.80	4,429	2.6	3676	6.7	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	32.2	-0.8%	1.30	1,974	7.8	1882	17.1	-	41.3%	Link
IDC	BĐS KCN	58.3	0.2%	1.10	780	1.2	5573	10.5	65,700	24.5%	Link
HPG	VLXD	25.1	-1.0%	1.10	6,510	9.2	1746	14.4	41,500	23.7%	Link
HSG	VLXD	20.2	-0.7%	1.60	503	4.0	1844	10.9	25,300	17.3%	Link
VHM	BĐS	43	0.2%	1.00	7,610	9.9	5350	8.1	108,300	14.2%	Link
KDH	BĐS	37.2	-0.4%	1.20	1,370	1.7	765	48.6	44,500	38.1%	Link
NLG	BĐS	40.9	0.0%	1.30	638	1.1	1102	37.1	-	48.8%	Link
DGC	Hóa chất	113.5	0.5%	1.40	1,748	9.1	7898	14.4	115,000	18.1%	Link
DCM	Phân bón	37.8	1.3%	1.20	812	14.4	2828	13.4	38,700	7.4%	Link
GAS	Dầu khí	83.6	0.0%	0.60	7,786	6.0	4760	17.6	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	40.7	0.5%	1.00	789	2.1	1932	21.1	57,000	22.1%	Link
PVD	Dầu khí	26.4	0.0%	1.30	595	1.7	1155	22.9	38,400	15.6%	Link
POW	Tiện ích	12.9	0.4%	0.70	1,225	0.9	463	27.9	17,100	4.1%	Link
VHC	Thủy sản	70.3	0.6%	1.20	640	1.0	3234	21.7	108,500	29.8%	Link
GMD	Logistics	77.5	0.5%	0.70	976	2.8	4054	19.1	90,400	48.6%	Link
VNM	Bán lẻ	74.7	0.1%	0.60	6,331	6.2	4633	16.1	93,100	51.5%	Link
MSN	Bán lẻ	75.1	0.0%	1.20	4,608	5.1	466	161.1	110,000	28.6%	Link
MWG	Bán lẻ	67.5	-0.4%	1.30	4,002	10.6	1507	44.8	-	46.9%	Link
PNJ	Bán lẻ	99.4	0.2%	1.00	1,348	2.7	6132	16.2	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	60.6	-1.6%	1.70	410	4.7	2236	27.1	66,600	25.1%	Link
FPT	Công nghệ	132.3	1.3%	1.10	7,835	22.1	4890	27.1	107,900	45.2%	Link
CTR	Công nghệ	124.4	1.1%	1.40	577	1.0	4590	27.1	-	9.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
HDB	Ngân hàng	26.2	-0.6%	0.9	3,094	5.2	4,137	6.3	1.6	19.5%	27.8%
VIB	Ngân hàng	18.2	1.7%	1.1	2,193	1.3	3,048	6.0	1.2	20.5%	21.4%
TPB	Ngân hàng	18.2	1.7%	1.3	1,620	21.3	2,154	8.4	1.1	28.4%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.4	0.4%	1.1	1,197	0.8	2,366	4.8	0.7	29.5%	14.9%
EIB	Ngân hàng	18.4	0.0%	0.8	1,295	2.0	1,273	14.4	1.4	2.8%	9.9%
HCM	Chứng khoán	28.8	-0.5%	1.7	824	6.1	1,397	20.6	1.9	45.3%	10.6%
VCI	Chứng khoán	33.4	-23.7%	1.7	598	8.3	1,763	18.9	1.7	20.1%	9.6%
VND	Chứng khoán	14.3	0.0%	1.5	883	2.1	1,591	9.0	1.3	13.5%	15.0%
BSI	Chứng khoán	47.0	0.0%	1.6	425	0.5	2,165	21.7	1.9	40.0%	9.3%
SHS	Chứng khoán	14.7	-0.7%	1.7	485	3.2	1,338	11.0	1.1	8.9%	10.5%
CTD	Xây dựng	62.3	0.5%	1.3	252	0.7	2,996	20.8	0.7	47.1%	3.6%
HHV	Xây dựng	11.8	0.0%	1.5	206	1.2	869	13.5	0.6	7.7%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.7	0.9%	1.5	84	0.3	766	14.0	0.8	2.1%	5.7%
SZC	BĐS KCN	35.4	0.4%	1.1	258	0.9	1,549	22.8	2.1	3.2%	12.1%
SIP	BĐS KCN	73.2	0.8%	1.5	625	1.6	5,931	12.3	3.4	2.0%	29.0%
PHR	BĐS KCN	58.0	0.3%	1.0	319	0.2	3,028	19.2	2.1	18.5%	12.1%
DIG	BĐS	21.7	-0.9%	1.8	537	4.2	151	143.7	1.7	4.7%	1.1%
CEO	BĐS	15.1	-1.3%	2.0	331	1.4	318	47.4	1.3	4.8%	2.1%
KBC	BĐS KCN	25.4	0.0%	1.4	791	1.8	300	84.7	1.1	20.5%	1.7%
VGC	BĐS KCN	41.4	-0.6%	1.2	752	0.7	1,776	23.3	2.3	4.7%	8.2%
GVR	BĐS KCN	34.6	1.3%	1.5	5,604	3.0	693	49.8	2.7	0.5%	6.5%
NKG	VLXD	21.2	-0.9%	1.6	226	2.2	1,580	13.4	1.0	13.1%	7.4%
BMP	VLXD	109.0	0.2%	1.2	362	1.5	11,420	9.5	3.4	82.6%	34.6%
IJC	BĐS	13.9	1.1%	1.4	213	0.7	683	20.3	1.0	4.6%	6.0%
DXG	BĐS	14.6	-2.0%	1.6	427	2.9	249	58.7	1.0	15.4%	1.9%
VRE	BĐS	19.0	-0.5%	1.3	1,751	2.5	1,975	9.6	1.1	22.2%	11.9%
PDR	BĐS	21.2	0.0%	1.7	749	3.5	557	38.0	1.7	6.4%	5.0%
DIG	BĐS	21.7	-0.9%	1.8	537	4.2	151	143.7	1.7	4.7%	1.1%
HUT	Xây dựng	16.5	0.0%	1.1	597	0.4	64	260.0	1.7	1.5%	1.7%
C4G	Xây dựng	8.8	-1.1%	1.30	-	0.1	503	17.5	0.8	0.0%	4.8%

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CSV	Hóa chất	39.2	2.2%	1.8	176	7.0	4,748	8.3	1.2	3.8%	15.2%
DHC	Hóa chất	37.1	-0.3%	1.1	121	0.1	3,067	12.1	1.6	39.2%	13.3%
DRC	Cao su	32.4	0.8%	0.8	156	0.3	2,509	12.9	2.1	11.7%	16.5%
PC1	Tiện ích	29.0	0.5%	1.2	366	2.2	1,203	24.1	1.7	13.8%	6.1%
HDG	Tiện ích	27.7	-0.2%	1.3	378	1.9	1,958	14.1	1.5	15.7%	11.8%
GEX	Tiện ích	20.8	0.2%	1.6	725	1.7	1,245	16.7	1.3	8.3%	7.0%
QTP	Tiện ích	14.1	-0.7%	0.6	-	0.0	1,357	10.4	1.2	1.2%	11.2%
PLX	Dầu khí	45.4	-0.9%	0.9	2,339	2.3	2,879	15.8	2.3	18.2%	13.8%
BSR	Dầu khí	23.4	0.4%	1.0	-	3.4	2,408	9.7	1.2	0.7%	13.4%
PLC	Dầu khí	24.9	-1.6%	1.5	82	0.1	734	33.9	1.6	0.5%	4.7%
ANV	Thủy sản	31.8	-0.3%	1.4	172	0.4	114	280.1	1.5	1.0%	1.2%
PTB	VLXD	62.2	0.5%	0.7	169	0.1	4,899	12.7	1.5	24.9%	11.9%
VSC	Logistics	16.8	0.6%	1.3	195	1.0	713	23.6	1.0	3.1%	7.3%
HAH	Logistics	39.0	0.0%	1.2	192	1.5	2,800	13.9	1.7	7.7%	10.6%
VTP	Logistics	73.6	0.1%	1.5	364	1.5	2,893	25.4	5.6	6.9%	22.8%
DBC	Bán lẻ	29.2	0.3%	1.6	397	6.5	979	29.9	1.4	12.1%	5.0%
FRT	Bán lẻ	178.9	-0.9%	0.6	988	3.7	(414)	-431.7	14.6	36.1%	11.8%
QNS	Bán lẻ	47.1	0.0%	0.6	-	0.4	6,678	7.1	1.9	13.8%	28.7%
TNG	Dệt may	26.2	-0.8%	1.2	130	1.1	2,254	11.6	1.6	19.5%	14.7%
PVT	Logistics	28.0	0.7%	0.9	404	1.0	2,805	10.0	1.4	13.2%	14.2%
DPM	Phân bón	35.2	0.9%	1.2	559	4.4	1,703	20.7	1.2	8.8%	5.5%
REE	Tiện ích	65.7	0.9%	1.1	1,255	0.7	3,804	17.3	1.7	49.0%	10.0%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký